

HỘI QUÁN/PHẬT GIÁO HÒA HẢO
PANAT/HOLDING CAMP

DANH SÁCH - CỰ TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ

STT/THỨ TỰ	HỌ VÀ TÊN	SINH NĂM	NGU TẠI	CƠ QUAN	CẤP BẬC	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ SAU CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO				GIẤY RA TRẠI SỐ	NGÀY & NƠI CẤP GIẤY RA TRẠI	NGÀY ĐẾN THAI LAND	NGÀY NHẬP TRẠI	HỌ V
								Thời gian cải tạo	Từ	Đến	Lý do					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
01	NGUYỄN THANH NHĨA	1942	Tx Tây Ninh - Tây Ninh	62/112651	Thiếu tá	Chỉ huy trưởng	Chỉ huy Đuôi Thành-Biệt	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cải quân nhân	43/GRT	Thành Hào 28.09.81	08.12.89	29.12.89	2B
02	NGUYỄN HỮU HIẾU	1939	Bình Minh - Cửu Long	59/510091	Đại úy	Chỉ huy trưởng	Thiết đoàn 10 Ky Bình	48 tháng	15.04.75	06.80	nt-		Minh Hải	06.05.89	08.09.89	2E
03	TRẦN NGỌC TIẾN	1949	Châu Phú - An Giang	69/510741	Trung úy	Trung đội trưởng	Trần Khu Kiên Tường	80 tháng 4 ngày	10.05.75	21.01.82	nt-	40/GRT	Xuân Núi 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F
04	PHAN THANH BĂNG	1951	Phước Tân - An Giang	71/134705	Thiếu úy	Phản chỉ huy trưởng	PCK Vĩnh Xương - Châu Đốc	86 tháng	05.05.75	30.04.78	nt-	82/86/BNN	Q. Khug. 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F
05	NGUYỄN THU BA	1939	Châu Thành - An Giang	Điền 12/1225	Thượng sĩ		Bộ Chỉ huy Cảnh Sát - Sài Gòn	36 tháng	18.08.75	29.08.78	nt-	196/QĐ	Q. Khug. 23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F
06	VÕ THÁI LỘC	1943	Chợ Mới - An Giang	67/171309	Trung úy (Bí thư phân)	Phó ty	Ty Thanh niên - Rạch Giá	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	nt-	09/ĐĐUB	Kiên Giang 12.01.77	09.12.89	01.02.90	2L
07	NGUYỄN VĂN TRÍ	1954	Sài Gòn	74/143787	Sinh viên Sĩ quan		Trường Sĩ quan - Đồng Đế	113 tháng 07 ngày	06.04.76	12.09.85	nt-	156/GRT	Thủ Đức 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L
08	NGUYỄN THANH HẢI	1950	Cần Thơ - Hậu Giang	70/700226	Thiếu úy	Trợ ban phòng giám sát	Ty 4 An Ninh, Hải quân	22 tháng	25.06.75	77	nt-	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C
09	HỒ QUANG THUẬN	1963	Sóc Trăng - Hậu Giang					14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Hậu Giang 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D
10	HUỖNH THỊ NGỌC MAI	1952	Bình Minh - Cửu Long					12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khởi loạn phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	30.12.89	05.02.90	2L
11	LŨ XƯƠNG	1952	Trà Cú - Cửu Long	76/702728	Trung sĩ	Trợ ban Văn Thư	Giảng đoàn 22 khu tự trị Nhà Bè	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Cửu Long 21.07.78	26.04.89	29.05.89	2C
12	ĐÀNG VĂN MINH	1953	Long Xuyên - An Giang			Trợ lý Giám đốc	Ngân hàng Đông Phương - Sài Gòn	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A
13	LÊ QUANG PHÚC	1944	Bạc Liêu - Minh Hải	64/101288	Trung úy	Trung đội trưởng	Đại đội 683 Bộ Lp T. Khẩu Quân Địch	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cải quân nhân	248/ĐĐ	Bà Rịa 01.02.78	30.11.89	18.12.89	2F
14	TIỀN KIM BÉ	1953	Sóc Trăng - Hậu Giang		Thủ ký	Đánh máy	Đại đội 843 Cảnh sát Q. Uy Sóc Trăng	06 tháng	01.06.75	01.12.75	Cải quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C
15	HUỖNH VĂN GIÀO	1944	Long Xuyên - An Giang					12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng			06.07.89	07.09.89	2C
16	NGUYỄN VĂN RAO	1944	Phước Châu - An Giang			Thủ ký	Ban Tr. Sĩ PG-HH xã Vĩnh Lộc An Phú	03 tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F
17	HUỖNH VĂN BẢNG	1944	Bình Minh - Cửu Long	64/502690	Hạ sĩ I	Thủ kho TPPT	Thiết đoàn 32 BĐA	01 tháng			Cải quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L

DANH SÁCH - CỰ TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ

PC. PO. BOX 18
PANAT NIKHOM CHONBURY 20140
THAILAND.

STT	ĐƠN VỊ SÀI CUNG	Thời gian cải tạo	Tu	Đến	LƯU DO	GIẤY RA TRẠI	NGÀY & NƠI ĐÁP	THAI LAND	NGÀY NHẬP TRẠI	HOUSE	BT - PST	NGƯỜI CUNG ĐI (NẾU CÓ)	SAMH NĂM	BIÊN HẸ GIX ĐINH	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cựu quân nhân	1743/GRT	Thái Nguyên 28.09.81	06.12.89	29.12.89	2B8	PST 02271				Đã được Tổng hành chính
2	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	48 tháng	15.04.75	08.88	nt		Thái Nguyên 08.05.89	08.09.89	2E1	BT 50126					Nhân chính Tm Công dân VN
3	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	80 tháng 05 ngày	10.05.75	21.01.82	nt	48/GRT	Thái Nguyên 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F22	BT 50549				Cấp CERTIFICATION ngày Feb/12/1990 do Sincere
4	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	36 tháng	05.05.75	30.04.78	nt	82/GB/BNN	Đ. Khung 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F10	BT 50712	Bùi Thị Tròn 1954 Phạm Thị Mỹ Hạnh 1974 Phạm Thị Vĩnh Trung 1978 Phạm Thị Kim Ngọc 1984 Phạm Đức Thành 1988	1954 1974 1978 1984 1988	Vợ con con con	NGUYỄN HAI (Ký)
5	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	36 tháng	18.08.75	23.08.78	nt	136/GRT	Đ. Khung 23.08.78	27.10.89	21.11.89	2F18	BT 50554	Lê Kim Anh 1956 Nguyễn Ngọc Quý 1968 Nguyễn Thái Sơn 1985	1956 1968 1985	Vợ con con	
6	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	nt	09/ADUB	Kiên Giang 12.01.77	03.12.89	01.02.90	2L15	PST 03042	Võ Thái Bình 1969	1969	con	
7	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	nt	156/GRT	Thái Nguyên 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L16	BT 03126	Nguyễn Văn Tâm 1966	1966	Em ruột	Tham gia Mặt trận Dân Quốc Phức Quốc ngày 15/10/75 đến ngày 06/04/76
8	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	22 tháng	25.06.75	77	nt	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C19	BT 050100	Nguyễn Thị Ngọc Thu 1951 Nguyễn Thị Giang Thanh 1986 Nguyễn Thanh Bình 1988	1951 1986 1988	Vợ con con	
9	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Hải Phòng 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D4	BT 3724				Tham gia hủ tháng 3/81 đến 10/11/81/Đ
10	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khởi loạn phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	26.12.89	05.02.90	2L4	PST 03174				Tham gia khởi loạn phục quốc hủ ngày 16/5/89 đến 23.10.82
11	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Cần Thơ 21.07.78	26.04.89	29.05.89	2C35	BT 3580	Lữ Thái 1966	1966	Em ruột	Tham gia khởi loạn phục quốc hủ ngày 16/5/89 đến 23.10.82
12	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A40	PST 03684	Đặng Quang Minh Tung 1974	1974	con	Tham gia khởi loạn phục quốc hủ ngày 16/5/89 đến 23.10.82
13	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cựu quân nhân	248/AD	Bà Rịa 01.02.78	30.11.89	18.12.89	2F23	BT 50917				Đã gởi về Sở cho hủ CTNET ngày 6/3/90
14	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	06 tháng	01.06.75	01.12.75	Cựu quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50895				Hết giấy cải tạo
15	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50895				nt
16	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	03 tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F9	BT 50710	Bùi Thị Nang 1946 Nguyễn Tấn An 1969	1946 1969	Vợ con	nt
17	Chi khu Đồn Thành - Đắc Lắc	01 tháng			Cựu quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L25	PST 03158	Huỳnh Văn Phương 1983	1983	con	nt

THE UNIVERSITY OF CHINA PRESS

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê hương	Số quân	Binh chủng	Đơn vị	Ngày nhập ngũ	Ngày ra ngũ	Loại hình	Địa điểm	Thời gian
17	PHAN BA BACH	1946	Phước Tân - An Giang		Pháo Kém Sát	Ngân hàng quốc gia VN	01.06.75	15.06.75	Công chức		14.04.89
18	NGUYỄN THỊ HỒNG	1942	Chợ Mới - An Giang	69/525298	Binh II	Sư đoàn 9 BBV	01.08.77	01.08.78	Cựu quân nhân		29.12.89
19	ĐOÀN VĂN CỎ	1932	Chợ Mới - An Giang		Trường ban?	Sở địa phương			Công chức		09.11.89
20	LÊ VĂN SỬ	1956	Châu Thành - An Giang			Nhân dân Tự vệ	05.05.75	05.05.75			23.09.89
21	NGUYỄN KIM HOÀNG	1958	Sài Gòn	KCC 9358	Tên binh	Trại tâm huấn luyện Rừng sát	07 ngày	25.06.75	31.07.75	Cựu quân nhân	15/05/CN
22	DƯƠNG NGỌC THƠ	1958	Thị trấn Núi - Hậu Giang			Bảo An Hòa Hào	07 ngày				30.12.89
23	TRẦN VĂN THUẬN	1955	Thị trấn Vung - Đồng Tháp			Nhân dân Tự vệ	03 ngày				30.12.89
24	ĐẶNG VĂN HÙNG	1957	Bình Minh - Cần Long			Nhân dân Tự vệ	20 ngày				16.07.90
25	ĐẶNG NGỌC QUANG	1953	Thanh Hưng - Đồng Tháp	53/40486	Binh II	Ban I	07 ngày				16.02.90
26	ĐINH VĂN KẾ	1956	Bình Đức - An Giang	86/502032	Binh II	Sư đoàn 32 BBV					28.10.89

[illegible]

Panet, ngày 27.08.1998.

Hình thưa chi.

Trước hết, chúng em xin phép được gửi đến chị lòng cảm kính và chân thành tri ân chị cũng thành kính nguyện cầu sự khỏe của chị và gia đình.

Hôm theo đây, qua chỉ dẫn của VP/GH/PGHH/HN (Lê Thái Hòa VP/BTS/PGHH/HN) chúng em gửi đến chị danh sách lý lịch Cựu tù Nhân/Chính trị, Tôn giáo/PGHH. Hình mong chị cảm thông và giúp đỡ cho tiến độ chúng em - Chị cũng đã biết - Giữa chúng em và lòng sản - "Không thể" đợi chung trời...."

... Chạy khỏi ách lòng sản đến đây - Không biết bao giờ chúng em mới thoát khỏi cảnh này...

Trong khi chờ đợi - Hình xin chị nhận lời bày lòng thành kính và biết ơn của chúng em.

Hình thư

TM/BDD/HQ/PGHH/Holding.

Địa chỉ: 12 Thái Hòa

VP/BTS/PGHH/HN

585 E. University Blvd

Silver Spring, MD20901

USA -

Trần Ngọc Giảng

จดหมายอากาศ
AEROGRAMME



Am - Bè
Thủ dục
cung cấp
nền tảng
hỗ trợ
FEB 22 1990

Nguyễn thị Minh Phương (KMT)
P.O.Box 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635
USA

ชื่อและที่อยู่ของผู้ฝาก SENDER'S NAME AND ADDRESS

Crân ngọc Cường - BT 050549 - House # 2F22 - P.O. Box 18
Phat Nikhom - Chonburi 20140 - Thailand THAILAND

ถ้าสิ่งใดในซอง จะส่งจดหมายอากาศนี้ไปทางธรรมดา IF ANYTHING IS ENCLOSED THIS AIR LETTER WILL BE SENT BY SURFACE MAIL



TO OPEN SLIT HERE

Panat 13.2.90

Minh Phuong,

Nhận được thư của em tôi (Trần Công Vũ) hơn một tháng nay - Trong thư có địa chỉ của Minh Phuong - Khó nói, em tôi lại không nói rõ quan hệ giữa chúng tôi và Minh Phuong thế nào (?) - Cõi do dự và ... mất ngủ nhiều đêm ... Không có lý nào (?) ...

(Nghĩ ngổ, nhưng tôi lại nguyên câu ... đúng thật như vậy ...)

" " "
Còn bây giờ, đâu thế nào đi nữa, quyết quyết định về liên hệ tình cảm ... Cách xưng hô - là do ở Minh Phuong. Bởi sự thật rất hiển nhiên trước mắt là Minh Phuong đã ở USA ... phân tôi còn năm trái cam cho ... "thanh lọc"! - Một người ở chiến đàng và một kẻ còn năm trong ... địa ngục!

" " "
Quy vậy, Cõi nguyên câu Minh Phuong vui vẻ cho tôi được phép cầu chúc Minh Phuong mọi sự như ý và ... từ mai không già!

Cũng gởi lời thăm tất cả gia quyến ...

Ngày đêm tôi mong mỗi hơi ấm

xin tạm dừng bút



Trần Ngọc Giảng

APR 03 1990

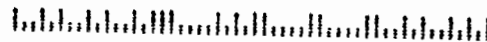


P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635

30330404 第 CR 8009
AUTOMATED MAIL (HUN)

PD BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635



Crain ngoc Cieng
BDD/HQ/PGHH/Holding
BT050549 - House #2F22 - P. P. Box 18
Panat Nikhom - Chon Bury 20140
Thailand

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter

4/21/90

Chi hồ từ nhân chầu từ Panat Nikhom,
lý lịch cá nhân.

- 1) Họ và tên: Nguyễn - Thanh - Nghĩa
2) Ngày và giờ sinh: 15-6-1942 Là một người chấp hành luật
3) Số Quốc: 62A/112651 Cấp Bảo Thiển tại Quận Bưởi
Kiến Chi Khu Bưởi Chi Khu Đuối Thanh Satec
4) Đơn vị sản xuất: Chi Khu Đuối Thanh Satec
5) Thời gian cai tạo: 6 năm 3 tháng 8 ngày Từ ngày 20-6-75 đến
ngày 28-9-1981
6) Lý do cai tạo: Sĩ Quan Quân lực VNCH.
7) Giấy ra tù: 743/GAT Ra cai tạo rồi Thanh Hóa
8) Họ và tên Cha: Lý Thanh Tự chết năm 1948
9) Họ và tên Mẹ: Nguyễn - Thị - Tự sinh năm 1918 phu nhân chấp hành
10) Tên họ những người cùng tù: Không
11) Ngày đến đất đai: 8-12-1981
12) Địa chỉ tại trại tù: House 2B8 PC PST 02271 P.O. Box 18
Panat Nikhom Chonburg 20140 Thailand.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là sự thật và luôn tuân
chúng theo nhiệm vụ của tôi khi bị bắt giữ.

Xác nhận của Chi hồ từ Panat ngày 10-5-1990.

nhân chầu từ tại Panat Nikhom
Chonburg section 'S'.

Nguyễn Thanh Nghĩa

Nguyễn Thanh Nghĩa

Chu văn Tru